TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2021/QĐST- HNGĐ	*B, ngày 05 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 379 /2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lư Kim Ng** – sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp 12, xã Vĩnh Hậu A, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh **Lý Văn Ng1** - sinh năm 1996

Địa chỉ: số 305/2, ấp Giồng Nhãn, xã Hiệp Thành, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lư Kim Ngvà anh Lý Văn Ng1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lư Kim Ng và anh Lý Văn Ng1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Lý Huỳnh Nh, sinh ngày 28/7/2017 cho chị Lư Kim Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu Nh đang sống cùng chị Ng); Anh Lý Văn Ng1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Lý Văn Ng1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lư Kim Ng không yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Lư Kim Ng tự nguyện chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị Ng đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007217 ngày 29-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B; đối trừ án phí phải nộp, chị Ng được hoàn lại 150.000 đồng.

2.5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tp. B;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Bích Ngọc